

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 646/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu:***

1. **Ông Lê Trọng Ph**, sinh năm 1972

Nơi cư trú: phường 24, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. **Bà Lưu Thị Thanh T**, sinh năm 1977;

Nơi cư trú: phường Th, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1] Về thủ tục tố tụng:**

Ngày 03 tháng 3 năm 2022, bà T, ông Ph cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung”. Quá trình vận động hòa giải, bà T, ông Ph thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 22/3/2022. Ông Ph cư trú tại phường 24, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, bà T cư trú phường Th, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Ông Ph, bà T có văn bản lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa giải quyết vụ việc và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự; Do đó, đơn yêu cầu của ông Ph, bà T được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

**[2] Về nội dung đơn yêu cầu:**

Bà Lưu Thị Thanh T và ông Lê Trọng Ph chung sống với nhau tự nguyện, có

đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 75/1998 ngày 09/10/1998. Bà T, ông Ph xác định có 01 con chung là Lê Trọng Đ, sinh năm 2000. Do cháu Đ đã thành niên nên chúng tôi không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Bà T, ông K xác định tài sản chung và nợ chung không có.

Trong quá trình chung sống bà T, ông Ph thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Bà T, ông Ph xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung.

Xét thấy bà T, ông Ph thực sự tự nguyện ly hôn; sự thỏa thuận của bà T, ông Ph đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ chồng; do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của bà T, ông Ph.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trọng Ph và bà Lưu Thị Thanh T không đoàn tụ mà đề nghị được công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Ph và bà T thống nhất có 01 con chung là Lê Trọng Đ, sinh năm 2000. Do cháu Đ đã thành niên nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Ph và bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Ph và bà T mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001720 ngày 10/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông Ph và bà T đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Phc thẩm.

#### **Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường Q, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

#### **THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Huệ**